TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – H1 phúc**

Bản án số: 839/2022/HC-PT
Ngày 05 – 10 – 2022
V/v Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 29 tháng 9 và 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 754/2020/TLPT-HC ngày 15/12/2020 về "Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1598/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Đ T, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Địa chỉ: Khu Trung tâm hành chính, ấp 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Huy H, sinh năm 1979; (vắng mặt)

3.2. Bà Ngô Thị Mỹ H1, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3.3. Bà Nguyễn Hồng Bích Th, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Th: Ông Nguyễn Ngọc Th1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

3.4. Ông Nguyễn Viết Đ, sinh năm 1982; (vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Cùng Địa chỉ: Tổ 3, Khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3.6. Bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1964; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3.7. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Vũ Đ T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

3.8. Ông Lê Trọng S, sinh năm 1987; (vắng mặt)

3.9. Bà Mai Thị Tố L, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3.10. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, Khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3.11. Hộ ông M ABA R, sinh năm 1955; - Ông M S, sinh năm 1925; - Anh M MUA M, sinh năm 1985; - Anh M HA MI, sinh năm 1986; - Anh M ABA D, sinh năm 1990; - Anh M F, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

3.12. Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: QL 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

4. Người kháng cáo: Ông Vũ Đ T là người khởi kiện; bà Nguyễn Thị Thùy D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/12/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Vũ Đ T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Vào ngày 31/5/2017, ông Vũ Đ T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thùy D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim H2 với diện tích 358m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã K, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước) thuộc thửa số 995, tờ bản đồ 24, địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau đó vào ngày 19/6/2017 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H (viết tắt là VPĐKĐĐ) chỉnh lý thay tên đổi chủ S trang 03 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) CG 060202 của ông Đ và bà H2, công nhận

quyền sử dụng đất cho ông T và bà D. Từ khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đến năm 2018 có xảy ra tranh chấp ranh với hộ ông Vũ Công T1 liền kề giáp ranh (chủ sử dụng thửa đất số 856). Ông T1 có nộp đơn đề nghị hòa giải tranh chấp đất đến Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn T, huyện H nhưng kết quả hòa giải không thành. Từ đó đến nay ông T không có khiếu nại đến bất cứ cơ quan nào.

Theo tài liệu của Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện H ngày 08/01/2019 cung cấp thì ông T được biết, cùng một thửa đất số 1049, tờ bản đồ số 24 với diện tích 251m^2 (có kích thước các cạnh hình tứ giác là 9,5m; 30,4m; 7,1m; 30m) giáp ranh với thửa đất nhà ông T tọa lạc tại ấp 2, xã K, huyện H, năm 2013 đã được UBND huyện H cho phép hộ ông M - Aba - R đăng ký biến động tăng thêm diện tích từ 252m^2 lên thành 411,1m^2 (trong đó có phần lấn chiếm từ thửa đất nhà ông T), cấp cho cùng một hộ ông M - Aba - R bằng hai GCNQSDĐ với hai diện tích khác nhau, trong khi hồ sơ địa chính đã được đo đạc chính quy; GCNQSDĐ cũ không bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Luật đất đai. Sau đó, từ GCNQSDĐ này, hộ ông M - Aba - R đã tách thành 02 thửa đất số 1128 và 1129. Thửa đất 1128 ông M - Aba - R chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh, nay bà Nh chuyển nhượng cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1, còn thửa 1129, hộ ông M - Aba - R chuyển nhượng cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th.

Cho rằng UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho hộ ông M - Aba - R tăng thêm diện tích 160m^2 là chồng lấn lên diện tích gia đình ông T đang quản lý, sử dụng vì diện tích đất của ông T đang quản lý sử dụng ít hơn diện tích đất được cấp trong GCNQSDĐ, hiện trạng đất chiều ngang mặt giáp đường trong GCNQSDĐ là 12 mét, nhưng chiều ngang trên thực tế là 8,5 mét, thiếu 3,5 mét. Diện tích đất 3,5 mét của ông T bị thiếu hiện nay được cấp GCNQSDĐ cho ông H và bà H1. Vì vậy, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy 02 quyết định hành chính trái pháp luật gồm:

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 do UBND huyện H cấp ngày 07/6/2013 cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 270,6m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H).

2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 do UBND huyện H cấp ngày 18/5/2012 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th, sinh năm 1980 đối với thửa đất số 1129, tờ bản đồ 24, diện tích đất 140,5m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H, (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước.

Tại văn bản trình bày ý kiến số 224/UBND-KSX ngày 27/02/2020 và văn bản trình bày ý kiến số 461/UBND-KSX ngày 10/4/2020 của người bị kiện UBND huyện H và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thống nhất trình bày:

Hộ ông M - Aba - R được UBND huyện Bình Long cũ (nay là huyện H cấp GCNQSDĐ số H04040 ngày 06/8/2007 thuộc thửa đất số 646, tờ bản đồ số 24 với diện tích 915m^2 (có 200m^2 đất NT). Năm 2009, hộ ông M - Aba – R tách thửa đất số 646 thành 02 thửa đất số 994 và 995. Thửa đất số 994 được tách với diện tích 557m^2 (có 100m^2 ONT) đứng tên hộ ông M - Aba – R và được cấp GCNQSDĐ số H09250 ngày 30/9/2009; đối với thửa đất số 995 được tách từ thửa đất 646 với diện tích 358m^2 (có 100m^2 ONT) sau đó chuyển nhượng cho hộ ông Trần Triển Ph và được cấp GCNQSDĐ số H09251 ngày 30/9/2009. Tháng 10/2009, hộ ông Trần Triển Ph chuyển nhượng QSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị Đ, sau đó bà Hoàng Thị Đ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim H2;

Năm 2010, hộ ông M - Aba - R tách thửa đất số 994 thành 02 thửa đất số 1049 và 1050. Thửa đất 1049 được tách với diện tích 252m^2 (có 100m^2 ONT) và được cấp GCNQSDĐ số CH00381 ngày 06/9/2010 đứng tên hộ ông M - Aba – R; Đối với thửa đất số 1050 được tách ra từ thửa đất số 994 với diện tích 305m^2 (sau đó chuyển mục đích sử dụng đất 100m^2) và được chuyển nhượng cho hộ bà Trần Thị H3.

Năm 2011, hộ ông M - Aba - R xin đo đạc để điều chỉnh lại ranh giới đất theo hiện trạng sử dụng đất đối với thửa đất số 1049 và theo kết quả đo đạc thì diện tích thửa đất tăng từ 252m^2 thành 411,1m^2 (tăng 159,1m^2 do biến động ranh thửa đất trên GCN) và sau đó được cấp GCNQSDĐ số BH 322120 ngày 21/11/2011.

Từ thửa đất số 1049 được cấp GCNQSDĐ hộ ông M - Aba - R đã tách thành 02 thửa đất số 1128 và 1129. Thửa đất 1128 hộ ông May - Aba - R chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Hồng Nh, bà Nh chuyển nhượng cho ông Lê Trọng S và bà Mai Thị Tố L, ông S, bà L chuyển nhượng cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1. Thửa đất số 1129, hộ ông M - Aba - R chuyển nhượng cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th. Sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, ngày 07/6/2013 ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số B0 521482 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 270,6m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H). Hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số BK 156427 đối với thửa đất số 1129, tờ bản đồ 24, diện tích đất 140,5m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H).

UBND huyện H cho rằng việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông M - Aba - R; việc cấp GCNQSDĐ cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 và hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước - Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Hoàng L và người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước thống nhất trình bày:

Đối với việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim H2 được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện H căn cứ theo Hợp đồng chuyển nhượng số 3552 ngày 23/11/2016 do Văn phòng công chứng thị xã Bình Long thực hiện giữa bà Hoàng Thị Đằng và ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim H2 tham mưu cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim H2 đảm bảo trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật theo Mục T-BPC-282904-TT Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Do đó, quy trình cấp GCNQSDĐ cho ông Đ và bà H2 được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với thủ tục chuyển nhượng nguyên thửa thì theo quy định của pháp luật không phải đo đạc lại thực địa. Cơ quan chuyên môn căn cứ trên GCNQSDĐ và hợp đồng chuyển nhượng và các thủ tục có liên quan để cấp GCNQSDĐ.

Trước đây khi lập bản đồ khu đất của xã K (nay là thị trấn K), cụ thể diện tích đất của hộ ông M - Aba - R, do bản đồ địa chính năm 1999 được đo cơ công nghệ máy thủ công nên không chính xác. Do đó, có sự biến động ranh giới thửa đất thựa tế so với trên GCNQSDĐ đối với thửa đất của hộ ông M - Aba - R. Hiện nay đã có quyết định của UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt về Ph án đo đạc lại toàn bộ diện tích đối với khu vực thị trấn K để xác định hiện trạng sử dụng đất thực tế của các hộ gia đình.

Do bận công tác nên người đại diện theo pháp luật của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 thống nhất trình bày:

Năm 2013, vợ chồng ông H và bà H1 có mua thửa đất chính chủ theo GCNQSDĐ của ông Lê Trọng S và bà Mai Thị Tố L. Trước khi mua thì vợ chồng ông H có tìm hiểu đất không có tranh chấp. Vì diện tích đất trên có nguồn gốc từ hộ ông M - Aba - R là chủ đất của gần hết dãy đất thuộc tổ 5 giáp với khu phố 2, thị trấn T, huyện H. Vợ chồng ông H đã ra Phòng Công chứng huyện H làm thủ tục S nhượng đúng theo quy định của pháp luật và sinh sống ổn định từ năm 2013 đến nay, trên đất có đã có một ngôi nhà gồm 01 phòng khách, 02 phòng ngủ mà gia đình hộ ông M - Aba - R làm trước đây. Khi mua bán xong vợ chồng ông H tiến hành sửa chữa lại ngôi nhà và xây toàn bộ hàng rào xung quanh đúng theo ranh đất đã mua bán, phần móng nhà cũ vẫn còn cho đến nay. Trong quá trình sinh sống được biết ông Đ và bà H2 có mua thửa đất hướng tây giáp liền kề với thửa đất của vợ chồng ông H với giá của hơn bảy mét so với GCNQSDĐ, số mét còn lại hai bên tự thương lượng nhưng sau này vợ chồng

ông Đ cũng S nhượng cho ông T và bà D. Năm 2018, vợ chồng ông T, bà D đến làm nhà ở trên mảnh đất này, cụ thể việc mua bán làm nhà của họ như thế nào vợ chồng ông H không biết. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các GCNQSDĐ như đã nêu trên, vợ chồng ông H không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng Bích Th và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc Th1 thống nhất trình bày:

Vào năm 2012, bà Th có mua một thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 24, với diện tích 140,5m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H) của hộ ông M - Aba - R, việc mua bán chuyển nhượng của bà Th và hộ ông M - Aba - R được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật và được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số BK 156427.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Viết Đ và bà Nguyễn Thị Kim H2 thống nhất trình bày:

Vào khoảng năm 2017, vợ chồng ông Đ và bà H2 có bán cho ông Vũ Đ T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thùy D thửa đất số 995, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 2, xã K, huyện H với diện tích 358,0m^2. Diện tích trên GCNQSDĐ là ngang 12 mét x dài 31 mét, nhưng diện tích bán thực tế cho vợ chồng ông T theo hiện trạng đất đang sử dụng là 08 mét ngang với giá thỏa thuận là 250 triệu đồng. Khi mua bán có quyết định của UBND huyện H về việc đất không có tranh chấp khiếu kiện và thủ tục chuyển nhượng mua bán do ông Vũ Đ T cam kết chịu trách nhiệm. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các GCNQSDĐ của ông H, bà H1 và bà Thuỷ, vợ chồng ông Đ không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng ông Đ, bà H2 bận công việc nên xin được vắng mặt trong suốt toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng Nh trình bày:

Bà Nh có mua một thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24, với diện tích đất 270,6m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Khi mua bán được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật và được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số BK156426 ngày 18/5/2012. Sau đó bà Nh S nhượng thửa đất trên cho ông Lê Trọng S và bà Mai Thị Tố L, việc mua bán thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật quy định, do thời gian đã lâu và không còn liên quan đến vụ việc trên nên xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Ph trình bày:

Bà Ph có một thửa đất số 856 tờ bản đồ số 24, với diện tích 1108m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã K, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H), liền kề với thửa đất của vợ chồng ông T, bà D đang sử dụng. Nguồn gốc năm 2009 vợ chồng ông T1, bà Ph nhận chuyển nhượng của hộ ông Trần Anh D với tích đất trên GCNQSDĐ đúng với hiện trạng sử dụng đất thực tế có chiều

ngang thửa đất giáp với đường đất có diện tích là 26m, mặt sau nở hậu rộng 26,9m, có một cạnh dài 38,5m, 01 cạnh giáp đất của ông Vũ Đ T dài 39,1m và sử dụng ổn định diện tích đất và ranh giới thửa đất cho đến nay không xảy ra tranh chấp, đến năm 2018 do vợ chồng bà Ph về quê một thời gian, sau khi quay trở lại thì phát hiện vợ chồng ông T là người có diện tích đất liền kề đã xây dựng 01 hàng ràng kiên cố lấn sang phần diện tích của vợ chồng bà với bề ngang khoảng 04mét, chiều dài hết đất. Sau đó vợ chồng bà Ph đã rào lại hàng rào lưới B40, cọc gỗ đối với phần đất của vợ chồng ông T đã lấn sang phần đất nhà bà Ph. Khi vợ chồng bà Ph rào hàng rào tạm đối với diện tích đất trên thì vợ chồng ông T cũng không có ý kiến gì và các bên cũng chưa khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các GCNQSDĐ như ông T đã nêu thì bà Ph có ý kiến khi vợ chồng ông T mua diện tích đất của chủ trước, khi mua bán các bên có ra hiện trạng chỉ ranh giới và khi đo đạc lại thì diện tích ngoài thực địa chỉ có ngang 08 mét, ít hơn diện tích trên GCNQSDĐ nhưng các bên vẫn thống nhất việc mua bán đối với thửa đất trên. Bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bà Ph bận công việc nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 79, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 48, Điều 49, khoản 2 Điều 52, Điều 127 Luật Đất đai năm 2003, Mục 2 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Khoản 1,2 Điều 3, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Chương II, III Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Khoản 1 Điều 348, Điều 358 và Điều 359 Luật Tố tụng hành chính; Khoản 1, 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đ T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 07/6/2013 cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 270,6m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 18/5/2012 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th đối với thửa đất số

1129, tờ bản đồ 24, diện tích đất 140,5m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H), tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Đ T, bà Nguyễn Thị Thùy D có làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm xét xử không thỏa đáng, đề nghị xét xử phúc thẩm lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông T có cung cấp thêm chứng cứ là Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 20/TB-TTr, ngày 28/02/2021 của Thanh tra Nhà nước tỉnh Bình Phước (bản photo có chứng thực) và cho rằng diện tích đất của ông còn thiếu bằng đúng với diện tích đất của hộ giáp ranh lấn chiếm. Theo Kết luận của Thanh tra tỉnh Bình Phước thì UBND huyện H đã vi phạm pháp luật, cần kiểm điểm rút kinh nghiệm về việc ông có Đơn tố cáo ngày 09/10/2020 tố cáo UBND huyện H cấp Giấy CNQSD đất số BH 322120 cho hộ ông M ABA R thuộc thửa 1049 tờ bản đồ số 24 diện tích tăng thêm 159,1m^2. Ngoài ra, ông T còn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét trình tự cấp Giấy CNQSD đất số BH 322120 cho hộ ông M ABA R thửa 1049 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ông T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông.

Ông Vũ Đ T (người khởi kiện) đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của vợ ông là bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày như nội dung đơn kháng cáo của bà D và trình bày của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D và yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội D: Xét thấy kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông T, bà D và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 10 năm 2020 ông Vũ Đ T là người khởi kiện và bà Nguyễn Thị Thùy D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

làm Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209 của Luật Tố tụng Hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đ T thì vụ án có quan hệ tranh chấp "Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã có phân tích để ông T khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp về quyền sử dụng đất nhưng ông T không đồng ý vì cho rằng nếu Tòa án hai cấp hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà H1 và bà Bích Th thì đương nhiên phần đất sẽ thuộc quyền sử dụng của ông nên không cần thiết phải tranh chấp về quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 do UBND huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 07/6/2013 cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 do UBND huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 18/5/2012 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th vì cho rằng UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H1, hộ bà Th có sự chồng lấn lên phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông T.

[3.1] Về hình thức:

[3.1.1] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 do UBND huyện H cấp ngày 07/6/2013 cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 do UBND huyện H cấp ngày 08/5/2012 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th là đúng hình thức văn bản khi Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cá nhân và gia đình theo quy định tại Điều 48 của Luật Đất đai.

[3.1.2] Việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 cho ông Phạm Duy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 52, Điều 49, Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003 và Mục 2 Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Nguồn gốc diện tích đất 270,6m^2 thuộc thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24 của ông H, bà H1 được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc từ hộ ông M-Aba-R tách từ thửa đất số 1049 sau đó chuyển nhượng cho bà Nh; bà Nh chuyển nhượng cho ông S, bà L. Sau đó ông S, bà L chuyển nhượng lại cho ông H, bà H1.

Đối với diện tích 140,5m^2 thuộc thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 24 của hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc bà Th nhận chuyển nhượng từ hộ ông M-Aba-R tách từ thừa đất số 1049.

[3.2.2] Đối với diện tích đất 358m^2 thuộc thửa 995, tờ bản đồ 24 của ông T, bà D được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H đăng ký biến động trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc ông nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Viết Đ, bà Nguyễn Thị Kim H2 vào ngày 31/5/2017. Từ ngày 31/5/2017 trở về trước các hộ liền kề sử dụng ranh giới ổn định, không ai tranh chấp ranh đất với thửa 1049 của hộ ông M-Aba-R và không có ai lấn chiếm của ai.

[3.2.3] Ông T cho rằng UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho hộ ông M-Aba-R thửa đất số 1049, tờ bản đồ số 24 thành 02 GCNQSDĐ với 02 diện tích khác nhau, diện tích từ 251m^2 thành 411,1m^2 trong khi hồ sơ địa chính đã được đo đạc chính quy chồng lấn lên diện tích gia đình ông T đang quản lý sử dụng vì diện tích ông T đang quản lý sử dụng ít hơn diện tích được cấp trong GCNQSDĐ. Cụ thể chiều ngang trong GCNQSDĐ là 12m nhưng chiều ngang ngoài thực tế là 8,5m, diện tích đất của ông T bị thiếu là do UBND huyện H cấp GCNQSDĐ cho ông H, bà H1 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24.

[3.3] Ông H, bà H1 cho rằng khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông, bà đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng ranh giới thửa đất, đúng hiện trạng sử dụng đất thực tế trên đất đã có nhà. Vợ chồng ông đã sửa chữa xây dựng toàn bộ hàng rào xung quanh đúng theo ranh giới đã mua bán, phần móng nhà cũ vẫn còn thể hiện trên đất và vợ chồng ông sử dụng ổn định không có tranh chấp.

[3.4] Vợ chồng ông Đ, bà H2 là người sang nhượng đất cho ông T, bà D cho rằng diện tích 358m^2 thuộc thửa đất 995, tờ bản đồ số 24 có nguồn gốc do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị Đ năm 2016, sử dụng ổn định đúng ranh giới thửa đất, đúng hiện trạng sử dụng đất thực tế tại thời điểm có GCNQSDĐ cho đến nay không phát sinh tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề. Đến năm 2017 ông, bà sang nhượng cho vợ chồng ông T, bà D. Khi sang nhượng thì các bên thỏa thuận thống nhất với diện tích trên GCNQSDĐ là ngang 12m, dài 31m nhưng mua bán theo hiện trạng thực tế là ngang 08m với giá bán 250 triệu đồng, tại phiên tòa sơ thẩm ông T cũng thừa nhận sự việc trên.

[3.5] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2020 thể hiện trên toàn bộ thửa đất hiện nay gia đình ông T đang trực tiếp quản lý sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng, năm 2018 ông T đã xây dựng hàng rào kiên cố trên toàn bộ hiện trạng đất, không lấn sang ranh giới thửa đất liền kề tiếp giáp với phía đông của ông H, bà H1 đã sử dụng ổn định từ năm 2013.

Theo Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 20/TB-TTr, ngày 28/02/2021 của Thanh tra Nhà nước tỉnh Bình Phước về việc giải quyết tố cáo của ông T đã căn cứ Kết luận số 81/KL-UBND ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước thì việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông M-Aba-R thửa 1049 (tách thành thửa 1128 và 1129) thì các hộ sử dụng thửa giáp ranh đã thống nhất mốc ranh giới và thống nhất ký tên vào Biên bản xác định ranh mốc thửa đất theo hiện trạng sử dụng đất ngày 04/10/2011 không có tranh chấp gồm các hộ giáp ranh Nguyễn Văn H (chủ sử dụng thửa đất số 1069), Trần Thị H (chủ sử dụng thửa đất số 1050), Lê Huy T (chồng bà Đ) (chủ sử dụng thửa đất số 995) nên việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông M-Aba-R là đúng quy định của pháp luật. Từ đó ông M-Aba-R tách thửa và chuyển nhượng cho hai người ông H, bà H1 và bà Bích Th. Việc xác định ranh giới này có trước khi ông T, bà D nhận chuyển nhượng lại của ông Đ, bà H2 (thửa 995 lúc này thuộc quyền sử dụng của ông T, bà Đ).

[3.6] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cũng xác định quy trình cấp GCNQSDĐ cho ông Đ, bà H2 sau đó chuyển nhượng cho ông T, bà D là đúng nguồn gốc, đúng trình tự, thủ tục của pháp luật. Lý do của sự biến động ranh thửa đất trên GCNQSDĐ là do năm 1999 khi lập bản đồ địa chính khu đất của xã K, bản đồ địa chính được đo đạc thủ công nên số liệu không chính xác. Cụ thể diện tích đất thực tế của hộ ông M-Aba-R khi đo đạc lại có sự biến động ranh giới thửa đất khác với diện tích trên GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1049 nên sau đó hộ ông M-Aba-R có yêu cầu đăng ký biến động nên được cấp lại GCNQSDĐ như đã nêu trên.

[3.7] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2020, kết hợp với lời trình bày của bà Bùi Thị Ph là hộ giáp ranh với đất ông T (đất bà Ph từ lộ nhìn vào phía bên trái, đất ông H, bà H1 và bà Bích Th giáp ranh với đất ông T từ lộ nhìn vào phía bên phải) thì bà Ph có một thửa đất số 856 tờ bản đồ số 24, với diện tích 1.108m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã K, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H), liền kề với thửa đất của vợ chồng ông T, bà D đang sử dụng. Nguồn gốc năm 2009 vợ chồng ông T1, bà Ph nhận chuyển nhượng của hộ ông Trần Anh D với diện tích đất trên GCNQSDĐ đúng với hiện trạng sử dụng đất thực tế có chiều ngang thửa đất giáp với đường đất có diện tích là 26m, mặt sau nở hậu rộng 26,9m, có một cạnh dài 38,5m, một cạnh giáp đất của ông Vũ Đ T dài 39,1m sử dụng ổn định diện tích đất và ranh giới thửa đất cho đến nay không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2018 do vợ chồng bà Ph về quê một thời gian, sau khi quay trở lại thì phát hiện vợ chồng ông T là người có diện tích đất liền kề đã xây dựng một hàng ràng kiên cố lấn sang phần diện tích của vợ chồng bà với bề ngang khoảng 04m, chiều dài hết đất. Sau đó vợ chồng bà Ph đã rào lại hàng rào lưới B40, cọc gỗ đối với phần đất của vợ chồng ông T đã lấn sang phần đất nhà bà Ph. Khi vợ chồng bà Ph rào hàng rào tạm đối với diện tích đất trên thì vợ chồng ông T cũng không có ý kiến gì và các bên cũng chưa khởi kiện đối với phần diện tích đất tranh chấp nêu trên. Vợ chồng ông T

mua diện tích đất của chủ trước, khi mua bán các bên có ra hiện trạng chỉ ranh giới và khi đo đạc lại thì diện tích ngoài thực địa chỉ có ngang 08m, ít hơn diện tích trên GCNQSDĐ nhưng các bên vẫn thống nhất việc mua bán đối với thửa đất trên.

[3.8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét lại thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M-Aba-R là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 cấp cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 cấp cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th. Đến ngày 09/10/2020 ông T đã làm Đơn tố cáo, khiếu nại việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông M-Aba-R đến UBND tỉnh Bình Phước và đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước kết luận tại Kết luận số 81/KL-UBND ngày 08/02/2021 và được Thanh tra Nhà nước tỉnh Bình Phước trả lời cho ông tại Thông báo số 20/TB-TTr ngày 28/02/2021 nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét vấn đề này là đúng quy định pháp luật, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đồng thời Thông báo trên cũng đề nghị UBND huyện H thực hiện chỉ đạo tại Kết luận số 81/KL-UBND ngày 08/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước rà soát, tiến hành các thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 1128, thửa 1129, thửa 995 và thửa 856 cho các hộ dân theo diện tích thực tế đang sử dụng nhằm tránh việc tranh chấp, khiếu nại về sau.

[4] Từ các chứng cứ, phân tích, nhận định như trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, đúng nguồn gốc đất, đúng diện tích, ranh giới các hộ sử dụng đất liền kề, đúng đối tượng sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T, bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận. Phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 của Luật Tố tụng Hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đ T và bà Nguyễn Thị Thùy D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2020/HC-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 79; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348; Điều 358; Điều 359 Luật Tố tụng Hành chính.

Áp dụng Điều 48, Điều 49, khoản 2 Điều 52, Điều 127 của Luật Đất đai năm 2003; Mục 2 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 10, Điều 11 Nghị định 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Chương II, III Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đ T về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 521482 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 07/6/2013 cho ông Phạm Huy H và bà Ngô Thị Mỹ H1 đối với thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 270,6m^2, tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H) tỉnh Bình Phước và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 156427 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 18/5/2012 cho hộ bà Nguyễn Hồng Bích Th đối với thửa đất số 1129, tờ bản đồ số 24, diện tích 140,5m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã K, huyện H (nay là khu phố 2, thị trấn T, huyện H) tỉnh Bình Phước.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Đ T và bà Nguyễn Thị Thùy D mỗi người chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông T, bà D đã nộp theo Biên lai thu số 015365 ngày 22/10/2020 tại Cục Thi hành ánh dân sự tỉnh Bình Phước. Như vậy, ông T, bà D còn phải nộp tiếp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồ Tâm Tú